

T â m k h ô n g

KS. Minh Bình

09/2021

1. Không tâm, vô tâm:

Vào đầu mùa An cư năm 2016, khi đi miền Bắc Việt với thầy để khảo sát Phật giáo ở miền ấy, có một việc thế này. Lúc rời một điểm nào đó, lên xe đi tiếp, tôi đã nhắc chú cư sĩ Chánh Pháp ngồi kế bên:

– Chú có quên đồ gì không?

Chú đáp:

– Không có.

Tôi đùa:

– Coi chừng quên mất chính mình!

Lúc đó hòa thượng ngồi ở ghế trước nói:

– Sợ quên không nổi đó chứ!

Qua chuyện nhỏ này thấy ra vài chuyện đáng suy nghĩ. Lâu nay hòa thượng đã mấy lần bảo với tôi về tâm rộng không, mà theo lời người xưa đã từng bảo, tôi vẫn đang nghi điều này:

Chớ nói “Vô tâm tức là đạo”

“Vô tâm” còn cách một lớp rào!

Xưa có các đại sư đã dạy: “Vô tâm tức là đạo”, rồi có vị khác lại bác như vậy, để xét nghiệm chỗ hiểu của người. Nhưng một lớp rào là sao, nhất trùng quan là sao? “Vô tâm” là một từ Hán – Việt, có nghĩa là “không tâm, không có tâm”. Không có tâm ở mức đầu tiên là không có những tâm đời.

Nói về tâm, thì người ta thường đa đoan phức tạp, trong tâm đầy dây nhợ rối rắm, cho nên tâm họ rất yếu. Nhưng khi người ta giải tỏa hết những rối rắm trong tâm thì tâm họ rất mạnh, ma quỷ phải nể mấy phần. Đầu tiên, hễ không chấp thân nữa thì mắt nhìn xuyên vật chất, thành thiên nhãn, thần thông đầu tiên của người tu hành. Tiến hơn, tâm định hơn, không chấp bệnh nữa, thì tai nghe xuyên không, thành thiên nhĩ, thần thông thứ hai của người tu hành. Lần lượt tu tâm định hơn, bỏ được ý thì đắc thần thông thứ ba là tha tâm thông, bỏ được pháp sẽ đắc thần thông thứ tư là phép biến hóa v.v... Các thần thông này do gom thần góp điện, hiệp sức bốn phương mà thành, vốn là công năng của vũ trụ.

Những thần thông quả linh đó đã được dạy rõ, trong bài chơn lý 57 – *Pháp Chánh Giác* của Sư trưởng Minh Đăng Quang viết. Người tu vận dụng được các sức mạnh cao siêu đó là do không tâm, không có những tâm phàm. Vậy nên vô ngã, vô tâm, tâm rộng không là chỗ tu luyện ban đầu của người tu hành, những cảnh giới này xếp vào bậc siêu phàm.

Khi không có gì hết, lặng lẽ rỗng rang, xét thấy **có nhiều dạng**. Ví dụ: *Kinh Lăng-nghiêm* đã kể về tỳ-kheo Vô Văn tu định đắc được Tứ thiên, thấy thân tâm bất động sâu xa nên cho rằng đó là Niết-bàn và mình đã đắc quả A-la-

hán... Lại nữa, sau Tứ thiền là bốn định không, gồm Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu và Phi phi tướng, đều là bốn dạng tâm không cả. Năm bậc định này còn ở trong tam giới, đều chưa phải là Niết-bàn của nhà Phật.

Nếu nói rộng hơn nữa, thì các đạo quả Nhập lưu, Nhất lai và Bất lai cũng đều là ba dạng tâm không, màu nhiệm, chánh đẳng chánh giác. Bậc Nhập lưu là đã thấy đạo rồi, đã kiến tánh rồi, đã giác ngộ năm uẩn đều không nhưng chưa thật chứng nghiệm như thế (*nên thiền sư Cảnh Sầm gọi là công chưa bằng chư Thánh*). Đến bậc Thánh A-la-hán mới tịnh hóa được uẩn thứ năm là thức uẩn, mới xả được ý căn là thức mạng-na, và siêu thoát luân hồi, không đơn giản chút nào! Chẳng phải các thiền sư thường ngộ rồi lại ngộ nhiều lần đó sao? Các vị gọi sự thành tựu này là “Mười năm mới dập thành một mảnh.”, là “Đáng thương lâu ngày bị rầy rà, đến nay đã thành con trâu trắng đứng sò sò trước mặt, đuổi chẳng đi.”, là “Da mỏng da dày đều lột sạch, chỉ có một chơn thường.” v.v...

Mà theo người nói Vô tâm còn cách đạo một lớp rào thì đang nói đến cái vô tâm nào? Năm định trên sâu xa huyền diệu, linh thông siêu phàm, ở rất cao trong tam giới; và bởi chấp như thế nên bị trái với đạo! Các đạo quả Nhập lưu, Nhất lai, Bất lai và Vô sanh đã vào đạo, có thứ lớp. Bốn bậc này bởi còn những tâm Thánh nên chưa thật là vô tâm, phải không?

Năm bậc định trên và bốn quả Thánh văn đã vậy, đến hàng đại Bồ-tát còn đang phá vô minh vi tế, tức là bậc đại Bồ-tát vẫn còn cách một lớp! Thế nên chúng ta đừng ngã mạn làm Tổ. Đã có các bậc danh Tăng lẫy lừng, mở đạo lớn lao ở Việt Nam và trên thế giới, mà cuối đời phải ngồi xe lăn cả chục năm chưa thôi, thần sắc không sáng! Ngài trưởng lão Giác Chánh dù được cả ngàn người tôn là đức Nhị Tổ, mà đến cuối đời vẫn im lặng nằm dài chín ngày rồi đi, không dạy bảo di huấn gì hết, chính là một bài pháp vô ngôn đúng chất khát sĩ. Chúng ta nên khiêm tốn lo tu, nên an phận làm học trò khó, làm khát sĩ nghèo, vì ai cũng là “Còn cách một lớp” hết.

Phần này là một tâm nhìn tiệm tiến, từ phàm tới Phật. Lưu ý: một tâm nhìn, khiêm tốn, biết điều.

2. Tâm không:

Tâm không là một cái tâm trống không, trống rỗng. Chữ “không” này cũng dùng trong các từ “hư không”, “chơn không”, mà trong từ Hán – Việt vẫn là “không” chứ chẳng phải “vô”, và dịch ra tiếng Anh sẽ là “empty” chứ chẳng phải “no”. Tâm không là bản thể.

Trong bộ *Chơn Lý*, Sư trưởng Minh Đăng Quang đã dạy về tâm không như thế nào? Tâm không hay Tâm không không là pháp tu được Sư trưởng Minh Đăng Quang chú trọng dạy cho các đệ tử, và đã nhiều lần nhắc đến trong bộ *Chơn Lý*:

“**Tâm không** vạn sự đều không
Tâm chơn vạn pháp thấy đồng quy chơn.”
(*Chơn lý 18 – Bài Học Khát Sĩ*)

“Muốn học phải để tâm yên lặng, **trống không**. Có **tâm không** mới tầm tới quán xét, tham cứu sưu tầm được. Có **tâm không** mới tỉnh táo xán lạn, học cho mình, dạy cho người, lâu ngày kết quả. Nhờ **tâm không** tịnh định, có nghỉ yên mỗi lúc, mới giữ được mực trung, do đó mới sẽ được đến nơi đến chốn, nghỉ ngơi sau khi toàn học.

Muốn được **tâm không** thì đừng say đắm nơi cái có, đừng có rối loạn dục nhor, đừng nhớ lo bậy bạ, chẳng nên để cho sự buồn vui, mừng giận, thương ghét, muốn ưa nơi ngoại cảnh làm vọng động xao xuyến trí tâm. Phải lấy sự yên lặng làm tâm, lo tìm một việc học mà thôi.”

(Chơn lý 40 – Đi Học)

“Nơi đó kẻ khát sĩ chỉ sống bằng **tâm không** thôi, còn thân thì là của chúng sanh, của đạo Phật. Cư gia còn hộ cúng dường là Tăng sư còn dạy bảo, hết thôi cúng dường là không còn bố thí pháp nữa, điều ấy là do cư gia, tự ý kẻ đi sau, để hay là bỏ, chớ người đi trước không được biết đến!”

(Chơn lý 43 – Xứ Thiên Đường)

“Cảnh giới của bậc “ông” là định, yên lặng, chơn như, tâm thật, trong sạch yên lặng, sáng suốt **không không**, yên nghỉ nín lặng, trang nghiêm đầm thắm, từ bi đức hạnh, hỷ xả trí huệ, hiền lành trầm tĩnh, và giác ngộ. “Ông” ấy phải là bảo dạy, dắt đường cho trẻ nhỏ đi sau đang lạc làm chết khổ; cùng chỉ báo cho người học hỏi sưu tầm. “Ông” ấy đã phải đến lớp tuổi cần chỉ giác ngộ cho người, “ông” phải là ông thầy hướng đạo dắt nhơn loại đến chốn thanh thoi nơi nghỉ. “Ông” là ông thầy giáo đi dạy khắp nơi, không nhận tiền lương bổng.

Tâm “ông” là phải trọn sáng trọn lành, chơn chánh ngay thật, lớn to, tròn trịa. “Ông” chỉ phải còn tâm, có **tâm không** mà thôi. Người ta kêu gọi tiếng “ông” là vì lớp tuổi đó cái tâm đã hoàn toàn cứng chắc, tốt đẹp, thành tựu. Cái tâm ấy tức là chúa tể của tất cả chúng sanh, vạn vật các pháp un đúc tạo thành. Cái tâm ấy là vị quân tử, là đức tánh quý báu nhất đời. Cái tâm ấy là chủ tể sự thành công, sống đời, toàn giác, linh thiêng lắm, vì nó không còn tham sân si nhỏ hẹp vậy.”

(Chơn lý 44 – Vị Hung Thần)

“Chính ở trong cái **tâm không**, không sờ chấp, trong ấy mới thấy rõ cái bản tánh, là cái ta chơn thật.”

(Chơn lý 64 – Khổ Và Vui)

V.v...

Tâm không là tâm trống không, chẳng chứa chấp gì, yên lặng sáng trong. Tâm không không là nói rõ hơn, để ngừa trường hợp còn chấp mắc “tâm không”. Ngài trưởng lão Giác Chánh khuyên chư Tăng các giáo đoàn nên giữ tâm không không. Ni sư Ngân Liên cũng dạy chư Ni đệ tử thường giữ tâm không. Hai vị trưởng lão Tăng, Ni ấy đã nói đúng y như lời Sư trưởng Minh Đăng Quang dạy. Còn Pháp sư Giác Nhiên hành đạo bên Mỹ gần 40 năm cuối đời, lập được nhiều

tịnh xá, hoạt động tôn giáo và xã hội rất mạnh nơi trời Tây, khi thuyết pháp đã nói rằng: “Tịnh xá của sư đều là tịnh xá đặc!” (*để đầy đồ*), cho thấy một phong cách riêng.

Giữ tâm không không là pháp tu thẳng tắt và bao trùm. Khi hỏi: “Pháp tu căn bản của Giáo pháp Khất sĩ là gì?”, cả ngàn vị khất sĩ lớp trước năm 1975 sẽ nói là Tứ y pháp, do nặng hình thức khất sĩ, do chuộng màu cờ sắc áo của môn phái; còn các vị khất sĩ trẻ sau này học qua trường lớp sẽ nói là Giới định huệ (*chứ không phải chỉ có giới Tứ y pháp*). Với một câu hỏi, mỗi người sẽ trả lời khác nhau theo chỗ thấy của mình. Qua chỗ thấy đó, qua các câu trả lời đó, sẽ biết được trình độ của mỗi người. Giáo pháp Khất sĩ đặt trên nền tảng Vũ trụ quan, vậy phải giữ tâm không không như vũ trụ chơn như!

Cái không không đó, ngài Giác Chánh nói là chẳng tu gì hết, là có làm gì đâu! Xưa thiền sư Duy Nghiễm (745 – 828) ngồi trên tảng đá, thầy là ngài Hy Thiên (700 – 790) đi đến hỏi:

– Ông đang làm gì đó?

Trò đáp:

– Tất cả chẳng làm.

– Thế sao ngồi yên?

– Nếu ngồi yên là có làm.

– Vậy chẳng làm là sao?

– Ngàn Thánh cũng chẳng biết!

Bây giờ ngài Hy Thiên nói kệ khen ngợi Duy Nghiễm... Và bài kệ *Ngôi Thiên* có từ xưa ở Ấn Độ cũng đã nêu lên điều tương tự:

“Vững mình ngồi ngay
Cầu cho chúng sanh
Ngôi tòa Bồ-đề
Lòng không chỗ chấp.”

Phần này là một tầm nhìn thẳng tắt, không phân giai cấp. Lưu ý: một tầm nhìn, đơn giản, lo tu. Hai tầm nhìn không hơn kém gì nhau, đều thấu tới Phật!

3. Nhớ hay quên?

Vậy nên quên mình hay nên nhớ mình?

Thì chuyện này, hay bao nhiêu chuyện khác trên đời cũng vậy, đều không khó giải đáp. Quên hay nhớ chỉ là những cách nói, ta đừng đuổi theo lời nói của ai, tiếng Việt hay tiếng Hán, cá nhân hay số đông, người ta hay thần tiên, lúc thức hay trong mộng... mà hãy xem cái ý của lời nói ấy.

Người đời cứ quanh quẩn trong năm uẩn sắc – thọ – tưởng – hành – thức, nên đức Phật Thích-ca hết sức khuyên họ bỏ khuynh hướng đó đi. Ngài nói mãi rằng mấy cái đó vô thường, khổ não, vô ngã, nói chung là năm uẩn phàm chẳng đáng gì hết, nó giới luân hồi lẩn quẩn bất tận chứ có gì mà tiếc!

Đức Phật khuyên người ta đừng chấp mắc năm uẩn, khi hết sạch chấp mắc sẽ nhận được cái ta chân chính, chứng nhập Thánh vị. Nhưng theo cách hướng dẫn của đức Phật Thích-ca cho số đông đệ tử (*mà nhiều người ưa bảo là truyền thống, là nguyên thủy*), thì **khi hết chấp mắc, khi đã vô ngã, mà chưa chứng nghiệm cái chơn ngã thì sao?** Trong nhà thiền, hay trong sự tu hành, trường hợp này gọi là đứng ở chỗ tướng động chẳng sanh, song sạch trội tròn không một vật, tuy có đặc mà đại pháp chưa sáng, chính là đã chết rồi mà chưa thể sống lại. Nên các vị đã cảnh giác: “Chỉ sợ chẳng được luân hồi!”, hay: “Chẳng thấy một pháp là lỗi lầm lớn.”, hay: “Ngộ rồi phải gặp người.” v.v...

Từ bậc Nhập lưu phải thêm ba bước nữa mới đến bậc A-la-hán, mà đến bậc A-la-hán thì ý mới an hòa diệt tận, chứng nghiệm chơn như, thật biết chơn ngã. Tức là ba bậc Nhập lưu, Nhất lai và Bất lai đã giác ngộ rồi, có chứng từng phần rồi, thần thông quả linh không nhỏ, được chư thiên ủng hộ không ít, trở thành những bậc tôn quý trong ba cõi rồi, nhưng chưa được như bậc Vô sanh A-la-hán. Nếu ba bậc ấy làm Tổ thì sao?

Thế kỷ XX, có một thiền sư ở Việt Nam và một thiền sư ở Hồng Kông đã lên tiếng cho rằng: Nói “Chơn như duyên khởi” là sai, đó là lời của ngoại đạo mượn danh Bồ-tát Mã Minh, bởi vì đã chơn như thì không thể duyên khởi v.v... Theo như những điều đang tìm xét trong bài này, thấy ra chỗ chứng nghiệm của hai ngài ấy chắc là đang ở trong một cái không nào đó. Không khó để nhận ra rằng: Nếu thật là không thể duyên khởi thì các bậc Thánh chẳng thể tự tại đi khắp ba cõi sáu đường làm vô số Phật sự được nữa, dĩ nhiên.

Bậc đã thành tựu sao lại không thể tùy ý ra vào trong ba cõi sáu đường, làm bạn với chúng sanh, dìu dắt họ vô tư? Hàng Phật tử xuất gia cố gắng nghiên cứu tu tập bao đời kiếp để rồi kẹt cứng trong một cái không nào đó ư? Khi có một giảng sư hỏi: “Chơn như có biến đổi không?”, thiền sư Huệ Hải (*sống vào thế kỷ VIII, đệ tử ngài Đạo Nhất*) đáp: Người đã thấy tánh rõ ràng thì nói có biến đổi cũng được, nói không biến đổi cũng được. Còn người mê, nghe không biến đổi liền chấp là chơn như không biến đổi, nghe có biến đổi liền chấp là chơn như có biến đổi... Chơn như không phải là chỗ hiểu của phàm tình.

Nói về chơn như, Sư trưởng Minh Đăng Quang hay dùng từ ghép thế này: “vô trụ chơn như”, “chơn như vô trụ”, một cách dùng từ rất lạ, chưa có ai làm như thế. Đến bài Chơn lý số 17 – *Nhập Định* ngài đã nói rõ ra, giúp người học chúng ta hiểu được chơn lý:

– Chánh định chơn như là chỗ sanh ra tất cả chúng sanh, vạn vật và các pháp, mà cũng là chỗ trở về, hay chỗ đến, nghỉ ngơi hưu trí của chúng sanh, vạn vật và các pháp kia vậy.

Tâm là gốc của muôn pháp, cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian, điều đó từ xưa các bậc đại Thánh đã dạy. Sách *Chánh Luận – Tập I*, bài *Pháp* đã ghi nhận chung một điều: “Văn học Bát-nhã của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX có bài *Tâm Kinh* của Tổ Thiên Thai và hai bài *Pháp* và *Huệ* của Sư trưởng Minh Đăng Quang là kiệt xuất.”. Ghi nhận chung là vậy, vì giai đoạn đó Việt Nam có cả chục bài Bát-nhã Tâm kinh của nhiều người viết, bây giờ ta xét kỹ hơn về tư tưởng Bát-nhã của hai bậc tiền bối ấy:

– Bài *Tâm Kinh* của thầy Huệ Đăng đã ghi nhận về chơn không, theo nhận thức phổ biến của tư tưởng Đại thừa:

“Ấy sắc tướng cũng đồng không tướng
Không tướng y như tượng sắc kia
Thọ, tướng, hành, thức phân chia
Cũng lại như vậy: Tổng về chơn không.
Tòa sắc tướng như ông tạm đó
Các pháp kia tướng nọ luống chơn...”

Vừa xác nhận chơn không (*cái rỗng – thật*) lời kệ liền nói luôn về chủ nhân, mà phần sau còn nói đến tánh không:

Tánh không sáng suốt đại đồng
Vô minh chẳng có, mưa hồng hết chi!

Và trong bài này, đầu bài nêu lên hàng Bồ-tát danh Quán Tự Tại (*chứ không phải chỉ có một vị, đã là hay*), cuối bài vẫn trùng tuyên câu thần chú Bát-nhã: Yết-đế, yết-đế... Vậy tư tưởng Bát-nhã của thầy Huệ Đăng là lĩnh vực Bồ-tát giáo, đã phổ biến mấy ngàn năm với tư tưởng Chơn không, Tánh không.

– Còn Sư trưởng Minh Đăng Quang thì đã bỏ Bồ-tát giáo rồi mới lập Phật giáo Khất Sĩ, ngay từ đầu năm 1947. Khi vận dụng tư tưởng Không của Giáo pháp Bát-nhã để khai tâm cho các hàng tập sự khất sĩ, ngài đã dịch bài *Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh* thành bài *Huệ*, nhưng trong đó bỏ mất Bồ-tát Quán Tự Tại ở phần đầu bài và câu thần chú Bát-nhã ở phần cuối bài, lại cũng chẳng nhắc đến chơn không, tánh không. Xét trong bộ *Chơn Lý* ngài Minh Đăng Quang đã nhắc đến tâm không nhiều, nhưng hầu như **chẳng ghi nhận đó là chơn, là tánh**. Thay cho “chơn không” thì ngài lại hay gọi là “không không”.

Chỗ khác nhau trong hai bài Bát-nhã của thầy Huệ Đăng và Sư trưởng Minh Đăng Quang nay đã thấy rõ, qua các từ “chơn không, tánh không” với “Bồ-tát Quán Tự Tại” và “Yết-đế yết-đế...”, qua ba điểm ấy! Rõ ràng là có sự khác nhau trong tư tưởng Bát-nhã của các ngài Sơ giác, Độc giác, Đại giác, và Toàn giác, người học chúng ta phải lưu ý tìm xét tinh vi, đừng cho là tương đồng.

Thật ra từ lâu cũng đã có nhiều vị nói đến điều này rồi, chẳng qua người học chúng ta không được chỉ rõ cho biết thôi. Xưa cư sĩ Tuệ Trung ở Việt Nam (1230 – 1291) đã nói kệ:

Sắc tức thị không, không tức sắc
Ba đời chư Phật quyền biến đặt...

Còn ở Trung Quốc, khi nghe ông bạn Nghĩa Tồn (822 – 908) tâm sự: “Tôi hỏi đó đến hội của Diêm Quan nghe ngài nói về nghĩa sắc – không liền được chỗ vào.”, thiền sư Toàn Khoát (828 – 887) đã gạt ngay: “Từ nay đến 30 năm sau tôi kỳ nói đến!”. Cái không của Bát-nhã là pháp phương tiện, để phá chấp, chứ chẳng phải là thiền, chẳng phải là chơn lý. Chơn không là một cảnh giới tâm linh của hàng Bồ-tát, nhưng vẫn chưa phải là Niết-bàn của Phật, đúng không?

Thế còn đức Phật Thích-ca thì sao? Chính trong kinh chữ Pa-li của Phật giáo Nam truyền đã trùng tuyên lời Phật dạy: Chánh pháp còn phải bỏ hà huống phi pháp! Và trong các kinh Bát-nhã của Phật giáo Bắc truyền cũng đã ghi lại lời Phật, rằng từ khi thành đạo đến khi nhập Niết-bàn, trong khoảng giữa đó ngài chẳng nói lời nào! Đức Phật đã dạy bảo rất nhiều rồi sau phải hết thì đâu thể đổ trách nhiệm cho Phật. Lời Phật dạy vốn là để phá chấp mà dìu người đi lên, bao nhiêu lời lẽ đều là nói cho người khác chứ không phải cho Phật. Vậy ta hãy theo Phật đi đến nơi, đừng kẹt trong pháp học và pháp hành nữa.

Vô ngã và Chơn không, hai giáo lý đặc sắc của hai khối Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền, chưa phải là Chơn lý trong Giáo pháp Khất sĩ. Qua bài này chúng ta đã tìm xét được điều đó. Và một lần nữa chúng ta đã thấy: Nhà Khất Sĩ đứng riêng một góc trời bởi vì Giáo pháp Khất sĩ rất tuyệt vời!

Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ

Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai!

Người đời nhọc công nhớ nhớ quên quên linh tinh suốt năm dài tháng rộng, người đạo thì chẳng dụng tâm nhớ quên gì. Tóm lại: Ngũ uẩn nếu mất chúng sanh điên. Không thể tiêu diệt ngũ uẩn, chỉ là không chấp mắc nó, và nhận lấy cái giác chơn siêu ngũ uẩn mà thôi. Hễ giác thì ra khỏi nhà ngũ uẩn, được an vui Niết-bàn; còn mê thì ở thế, quanh quẩn trong nẻo địa ngục – thiên đường, khổ não! Hễ giác chơn thì thức trí được huệ sáng, hành vi được thân thông, tư tưởng được huyền bí, thọ cảm được yên vui, và sắc thân được không không! Như thế thật tuyệt diệu, chính là ngũ uẩn Thánh! Mà đến bậc ấy mới thật là Phật tử, như thiền sư Huệ Tịch (807 – 883) được khen là Tiểu Thích-ca.

(Phụ giải: Sao cuối phần I lại vội kết luận rằng Ai cũng còn cách một lớp hết? Bà bán chè, ông lái xe, cô giáo, nhà văn... đều vậy hết à? – Đúng là khi viết thì không thể luận dài quá, cũng để người đọc nghiệm thêm cho thú vị. Mà ai cũng còn cách một lớp chớ sao. Bởi vì có cái gì ngoài đạo đâu? Nhưng đáng nói là ai cũng chỉ thấy pháp giới của mình, tức là cách đạo đúng một lớp ngay chỗ mắt của họ! Nên hễ còn là “ai” thì cứ còn cách một lớp. – Vậy hết “ai” rồi thì sao? – Thì tùy nghi làm người, làm vật, làm trời, làm Thánh, làm Bồ-tát... chứ có cao thấp thứ lớp gì nữa đâu!)